TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

2. Ông Nguyễn Thanh Nghị.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Văng Hồng M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Văng Hồng Mạnh trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị N quen biết nhau thông qua mai mối và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Đến 08/8/2022, anh M và chị N đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Sau khi cưới anh M và chị N sống chung bên gia đình anh M và chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2004 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình của anh M và chị N không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, chị N có người đàn ông khác bên ngoài. Đến ngày 30/7/2013, chị N bỏ nhà đi về nhà ba mẹ ruột sinh sống một thời gian, sau đó đi làm ở Bình Dương cho đến nay, không về nhà thăm chồng con, cũng không gọi điện hỏi thăm chồng con. Anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với chị N.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh M với chị N có 01 người con chung tên Văng Hồng V, sinh ngày 12/5/2003, do cháu V đã thành niên nên anh M không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh M với chị N không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Võ Thị N:* Theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/4/2024 (kèm theo Căn cước Công dân có chứng thực vào ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) của chị N thể hiện ý kiến của chị N như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn với anh M; Về con chung: Do cháu Văng Hồng V, sinh ngày 12/5/2003 đã thành niên nên chị N không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị N đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn không chấp hành sự triệu tập của Toà án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Văng Hồng M.

+ Về hôn nhân: Cho anh Văng Hồng M với chị Võ Thị N ly hôn. Về con chung: Do cháu Văng Hồng V, sinh ngày 12/5/2003 đã thành niên nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, nguyên đơn Văng H và bị đơn Võ Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh M và chị N kết hôn năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L vào ngày 10/4/2006 theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Anh M cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh M với chị N là do do tính tình của anh M và chị N không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, chị N có người đàn ông khác bên ngoài và đến ngày 30/7/2013, chị N bỏ nhà đi về nhà ba mẹ ruột sinh sống một thời gian, sau đó đi làm ở Bình Dương cho đến nay, không về nhà thăm chồng con, cũng không gọi điện hỏi thăm chồng con. Từ đó, làm cho cuộc sống hôn nhân giữa anh M với chị N không còn hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai nữa và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh M với chị N không có giải pháp hàn gắn lại được tình cảm với nhau. Đồng thời, theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/4/2024 (kèm theo Căn cước Công dân có chứng thực vào ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) do dịch vụ bưu chính chuyển đến thể hiện ý kiến của chị N đồng ý ly hôn với anh M, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh M với chị N.

[2.2] Về con chung: Đối với cháu Văng Hồng V, sinh ngày 12/5/2003 đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu giải quyết và theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/4/2024 (kèm theo Căn cước Công dân có chứng thực vào ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) do dịch vụ bưu chính chuyển đến thể hiện ý kiến của chị N là giữa chị N với anh M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh M và chị N đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật H và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Văng Hồng M.

1.1. Về hôn nhân: Cho anh Văng Hồng M được ly hôn với chị Võ Thị N.

1.2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Anh Văng Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003548, ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh M đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Văng Hồng M và chị Võ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên[1];
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thành Nhân

[1] Đăng ký ngày 10/4/2006; Số 45.